

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị quyết số 398/NQ-HĐND ngày 17/01/2025 của HĐND tỉnh về việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh quản lý hoạt động và nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh về việc thông qua chủ trương ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Kết luận số 1447-KL/TU ngày 22/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 77/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh quản lý hoạt động và nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Quỹ Đầu tư phát triển tại Tờ trình số 106/TTr-QĐTPT ngày 21/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 111/2011/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Nội vụ, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT TU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh
(Kèm theo Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ) quy định về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động, quản lý và sử dụng nguồn vốn hoạt động, chế độ tài chính, quản lý tài sản, kế toán, kiểm toán của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh.

2. Các nội dung về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh không ghi trong Điều lệ này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ đầu tư phát triển tỉnh.

2. Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ phát triển đất tỉnh.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh.

Tên giao dịch quốc tế: Bac Ninh Land Development Fund (Viết tắt: BNLDF).

2. Trụ sở: Số 06, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiễn Ninh Vệ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Email: qdtp@bacninh.gov.vn; Website: qdtp.bacninh.gov.vn

Chương II

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh (gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, được thành lập theo Quyết định số 77/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn (vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác) theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Quỹ.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra việc sử dụng vốn và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Điều lệ này; xác định, thu hồi chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:
 - a) Hội đồng quản lý.
 - b) Ban kiểm soát.
 - c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.
2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9 và 10 Điều lệ này.
3. Quỹ phát triển đất tỉnh Bắc Ninh hoạt động theo mô hình uỷ thác cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh quản lý Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý.

1. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất có tối đa 05 thành viên (số lẻ), gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên khác.
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh phân công và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh.
 - d) Các thành viên khác là đại diện Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

đ) Thành viên của Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

2. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuyên trách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định về phân cấp công tác cán bộ của Đảng và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ phát triển đất theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi: Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ; Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; Quy trình nghiệp vụ; Quy chế chi tiêu nội bộ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý.

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ.

h) Phê duyệt kế hoạch ứng vốn hàng năm, kế hoạch ứng vốn bổ sung và ban hành quyết định ứng vốn theo thẩm quyền.

i) Thông qua Kế hoạch tài chính và Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; các quy chế khác thuộc thẩm quyền Giám đốc Quỹ ban hành.

k) Quyết định dừng việc ứng vốn để thu hồi vốn ứng đối với các tổ chức ứng vốn, sử dụng vốn sai quy định và chậm hoàn trả vốn ứng theo phương án cam kết hoàn trả vốn ứng.

l) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng với các nội dung ủy quyền;

m) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

n) Được sử dụng con dấu của Quỹ phát triển đất và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

o) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ đảm bảo một số nội dung sau:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

5. Chi phí của Hội đồng quản lý được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ và được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Điều 9. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban và 02 thành viên Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật với trình tự như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

b) Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ phát triển đất.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, Quy chế hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành hoặc sửa đổi: Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; Quy trình nghiệp vụ; Quy chế chi tiêu nội bộ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ.

d) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua: Kế hoạch tài chính và Báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; các Quy chế khác thuộc thẩm quyền của Giám đốc Quỹ ban hành.

đ) Dừng việc ứng vốn để thu hồi vốn ứng đối với các tổ chức ứng vốn, sử dụng vốn sai quy định và chậm hoàn trả vốn ứng theo phương án cam kết hoàn trả vốn ứng theo quyết định của Hội đồng quản lý.

e) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn hàng năm, Kế hoạch ứng vốn bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

g) Ban hành hoặc sửa đổi các quy chế khác theo thẩm quyền.

h) Ban hành Quyết định ứng vốn theo thẩm quyền, trình Hội đồng quản lý Quỹ Quyết định ứng vốn theo thẩm quyền. .

i) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Quỹ là 1.000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng).

Vốn điều lệ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ phát triển đất sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất. Đối với vốn điều lệ được cấp bổ sung từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), Quỹ phát triển đất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung vốn điều lệ cấp cho Quỹ phát triển đất.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn tại Điều 12 và hoàn trả vốn ứng tại Điều 16 Điều lệ này.

4. Vốn điều lệ và vốn huy động hợp pháp chưa sử dụng (nếu có), được gửi tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước, nhưng phải đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ của Quỹ, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn.

Điều 12. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để

thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư; tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa (không) thành lập tổ chức phát triển quỹ đất, thì đối tượng ứng vốn thực hiện nhiệm vụ tại điểm b khoản này là đơn vị, tổ chức được giao thực hiện.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

Điều 13. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất

1. Kế hoạch ứng vốn:

a) Định kỳ, trước ngày 10 tháng 11 hằng năm, các Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ phát triển đất của năm sau gửi Quỹ.

b) Căn cứ nhu cầu ứng vốn tại điểm a khoản này, tiến độ thực hiện dự án, khả năng cân đối vốn của Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ tổng hợp danh mục các dự án, nhiệm vụ đưa vào Kế hoạch ứng vốn năm sau và xây dựng dự thảo kế hoạch ứng vốn, xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ xem xét cho ý kiến trước ngày 15/12 hàng năm.

c) Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ tổng hợp, hoàn thiện Kế hoạch ứng vốn trình Chủ tịch Hội đồng quản lý phê duyệt trước ngày 31/12 hàng năm để các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan làm cơ sở triển khai thực hiện.

d) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập Kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm a, b và c của khoản này.

2. Điều kiện ứng vốn:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn năm, (hoặc bổ sung) đã được Chủ tịch Hội đồng quản lý phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Mức vốn ứng cho một dự án nhỏ hơn hoặc bằng 10 (mười) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.

b) Mức vốn ứng cho một dự án lớn hơn 10 (mười) tỷ đồng, Giám đốc Quỹ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2. Thẩm quyền quyết định ứng vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh trên cơ sở nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ (nguồn vốn điều lệ thực có và các nguồn vốn khác) và tình hình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở; tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh từng thời kỳ cho phù hợp.

3. Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng: cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

Hồ sơ, tài liệu liên quan, cụ thể như sau:

a) Đối tượng ứng vốn theo điểm a khoản 1 Điều 12.

Hồ sơ, tài liệu ứng vốn gồm: Quyết định phê duyệt chủ trương, Quyết định phê duyệt dự án, Quyết định thu hồi đất, Bản đồ Quy hoạch (nếu có), Quyết định phê duyệt phương án bồi thường GPMB, Bản đồ trích lục thửa đất... và các hồ sơ khác có liên quan theo quy định hiện hành: 01 bản sao. Hồ sơ chỉ gửi đến Quỹ 01 lần để sử dụng cho nhiều lần ứng vốn của dự án. Trong trường hợp hồ sơ dự án có phát sinh mới hoặc điều chỉnh, sửa đổi thì nộp bổ sung.

b) Đối tượng ứng vốn theo điểm b khoản 1 Điều 12.

Hồ sơ, tài liệu ứng vốn gồm: Quyết định phê duyệt chủ trương, Quyết định phê duyệt dự án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường GPMB, Bản đồ trích lục thửa đất, Bản đồ Quy hoạch, Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, Quyết định phê duyệt dự toán, hồ sơ thanh quyết toán (nếu có) và các hồ sơ khác có liên quan theo quy định hiện hành: 01 bản sao. Hồ sơ chỉ gửi đến Quỹ 01 lần để sử dụng cho nhiều lần ứng vốn của dự án. Trong trường hợp hồ sơ dự án có phát sinh mới hoặc điều chỉnh, sửa đổi thì nộp bổ sung.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ hoàn thiện các thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

5. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ triển khai ký Hợp đồng ứng vốn với Tổ chức được ứng vốn. Sau khi ký Hợp đồng ứng vốn, Tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị giải ngân vốn ứng, Quỹ kiểm soát hồ sơ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền hoặc chứng từ rút tiền mặt gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi Quỹ mở tài khoản thanh toán chuyển tiền cho đơn vị sử dụng vốn ứng hoặc Quỹ chi tiền mặt cho đơn vị sử dụng vốn ứng để chi trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng theo tiến độ.

6. Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần. Tùy theo tính chất của từng dự án, Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn theo hình thức chuyển khoản hoặc chi tiền mặt cho đơn vị sử dụng vốn ứng.

7. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Bố trí, xây dựng dự toán hoặc nguồn vốn từ dự án, trình cấp thẩm quyền phê duyệt; Thực hiện hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

d) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đề nghị ứng vốn, tài khoản nhận vốn ứng.

8. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

Cách tính chi phí quản lý vốn ứng

$$\text{Chi phí quản lý vốn ứng} = \frac{\text{Số dư nợ vốn ứng đã giải ngân}}{\text{Số ngày nợ vốn ứng thực tế}} \times \frac{\text{Mức chi phí quản lý vốn ứng}}{365}$$

Mức lãi suất để tính chi phí quản lý vốn ứng được xác định tại thời điểm thẩm định hồ sơ ứng vốn của đơn vị và được thể hiện trong hợp đồng ứng vốn.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Tổ chức được ứng vốn thực hiện trả Chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ cùng thời điểm hoàn trả vốn ứng của dự án.

Điều 16. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất

1. Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

a) Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này lập hồ sơ hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hàng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả cho Quỹ): 01 bản sao;

Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ và đơn vị sử dụng vốn ứng: 01 bản chính;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 01 bản chính.

b) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc

Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

2. Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này):

a) Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

b) Nguồn hoàn trả Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ phát triển đất chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/07/2024 của Chính Phủ quy định về Quỹ phát triển đất: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Biên bản xác định vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng phải trả của Quỹ và đơn vị sử dụng vốn ứng: 01 bản chính;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ phát triển đất; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục thực hiện giao dịch tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

đ) Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

5. Đối với trường hợp đơn vị sử dụng vốn ứng sai quy định hoặc chậm hoàn trả vốn ứng theo cam kết thì Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh dừng việc ứng vốn để thu hồi vốn ứng.

6. Thời hạn hoàn trả vốn ứng được xác định theo cam kết của đơn vị được ứng vốn, nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện dự án được ghi trong quyết định phê duyệt dự án.

7. Thời gian hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ và tổ chức ứng vốn lập biên bản xác định số dư nợ vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng. Quá thời gian trên Quỹ sẽ lập Biên bản xác định chi phí quản lý vốn ứng tiếp theo; chi phí quản lý vốn ứng được hoàn trả cùng với thời gian hoàn trả vốn ứng.

8. Trách nhiệm của các tổ chức liên quan đến quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng.

a) Tổ chức nhận vốn ứng: Có trách nhiệm hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng theo cam kết.

b) Kho bạc Nhà nước: Thanh toán hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ trước khi thanh toán hạng mục công trình khác của dự án.

c) Quỹ: Thông báo số vốn ứng, chi phí ứng vốn phải trả đến các đơn vị ứng vốn và Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức nhận vốn ứng mở tài khoản) để giám sát, thực hiện.

9. Các dự án/nhiệm vụ đã có nguồn hoàn trả, nhưng đơn vị chậm trả. Quỹ tạm dừng ứng vốn, giải ngân cho các dự án trên địa bàn và báo cáo Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Gia hạn vốn ứng

1. Điều kiện gia hạn vốn ứng: Vì lý do khách quan làm chậm tiến độ dự án, dẫn đến hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng không đúng thời gian cam kết. Tổ chức ứng vốn có văn bản báo cáo nguyên nhân chậm trả, gửi về Quỹ trước thời gian đến hạn hoàn trả ghi trong quyết định ứng vốn.

2. Thẩm quyền và thời gian gia hạn: Thẩm quyền gia hạn theo thẩm quyền Quyết định ứng vốn được quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này. Thời gian gia hạn tối đa không quá thời gian thực hiện dự án.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 18. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất

1. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả các khoản phụ cấp của HĐQT, Ban kiểm soát, người lao động nếu có) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 19. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất.

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, Quỹ xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của đơn vị, phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

d) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí uỷ thác quản lý Quỹ phát triển đất là toàn bộ các khoản thu được quy định tại khoản 1 Điều này; Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm chi trả toàn bộ các khoản chi của Quỹ phát triển đất.

4. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

5. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ phát triển đất thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (hoặc chế độ kế toán hành chính sự nghiệp) hiện hành, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ phát triển đất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ phát triển đất được thực hiện theo Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ phát triển đất với các cơ quan quản lý nhà nước, Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Tổ chức được ứng vốn

1. Với Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Là mối quan hệ chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ theo quy định.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ số liệu, báo cáo tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Với Ủy ban nhân dân tỉnh.

a) Là mối quan hệ chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Quỹ.

b) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

3. Với các sở, ban, ngành

a) Là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên trên tinh thần hợp tác nhằm thực hiện tốt

các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, phục vụ sự phát triển chung của tỉnh.

b) Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của các cơ quan đơn vị đối với các nội dung công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát của một số cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Đối với Hội đồng quản lý là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành quy chế, quy định theo thẩm quyền. Phương thức lãnh đạo bằng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ trong điều hành các nhiệm vụ cụ thể. Do đó, Giám đốc Quỹ phải thường xuyên báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của HĐQT, tham mưu cho HĐQT chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của HĐQT, tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

5. Đối với Ban kiểm soát. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Do đó, Giám đốc Quỹ phải chủ động cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Tại các phiên họp thường kỳ của HĐQT, có sự tham dự của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ phải kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

6. Đối với các Tổ chức được ứng vốn được xem như khách hàng trong đối tượng phục vụ của Quỹ. Do đó, Quỹ phải thường xuyên gắn kết, phổ biến thông tin kịp thời về các quy định, các cơ chế, chính sách, kế hoạch ứng vốn... để các Tổ chức được ứng vốn nắm bắt, phối hợp thực hiện. Quá trình ứng vốn và thu hồi vốn ứng phải thực hiện theo đúng các quy định trong Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Quan hệ giữa Quỹ và các Tổ chức được ứng vốn phải được xác lập bằng hợp đồng gắn với việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu phát hiện Tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn và hoàn trả vốn ứng.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 22. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 23. Quy trình giải thể Quỹ

Thực hiện theo Điều 23, Điều 24 tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính Phủ quy định về Quỹ phát triển đất.

**Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 24. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

a) Dự án đang triển khai theo hợp đồng ứng vốn đã ký thì tiếp tục được ứng vốn.

b) Dự án triển khai không đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không được tiếp tục ứng phần vốn còn lại. Trường hợp dự án có nhu cầu tiếp tục ứng vốn, chủ đầu tư báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung phần chi phí quản lý vốn ứng vào mục chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án (phần vốn ứng còn lại phải chịu chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP); đồng thời có văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý gia hạn thời gian ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và ký bổ sung Phụ lục hợp đồng ứng vốn với Quỹ phát triển đất”.

2. Việc hoàn trả vốn ứng được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng Quỹ đúng quy định, định kỳ báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tình hình quản lý, sử dụng Quỹ.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị ứng vốn có trách nhiệm phối hợp với Quỹ thực hiện nghiêm túc các quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, địa phương phản ánh bằng văn bản về

BẮC NINH

Quỹ đề tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo đúng các quy định của pháp luật./.

